TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2026/QĐST-KDTM	*Thanh Hóa, ngày 17 tháng 09 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2026/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần J1 (Jupiter)

- Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, Số B phố T, Phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Huy M - Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Ngọ Thị N – chuyên viên xử lý nợ

Số CCCD: 038195xxxxxx

Địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà P số B, Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý Tích hợp 2.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Văn T1 – Chuyên viên xử lý nợ

Số CCCD: 038093xxxxxx

Địa chỉ: Tầng C TTTM P, số B Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường T2, sinh năm: 1994

Số CCCD: 038094xxxxxx.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền vay nợ: Tính đến ngày 09/9/2026 ông Nguyễn Trường T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần J1 (J1) là 1.891.725.997 đồng (Một tỷ, tám trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng); Trong đó: Nợ gốc là 1.443.800.974 đồng; Nợ lãi trong hạn là 14.012.414 đồng; Nợ lãi quá hạn là 433.912.609 đồng. Cụ thể:

Nợ V1 số tiền là 88.356.257 đồng (T3 mươi tám triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là 69.186.001 đồng; Nợ lãi trong hạn là 700.620 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 18.469.636 đồng.

Nợ J số tiền là 1.803.369.740 đồng (Một tỷ, tám trăm linh ba triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.374.614.973 đồng; Nợ lãi trong hạn là 13.311.794 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 415.442.973 đồng.

- Về trách nhiệm trả nợ: Chậm nhất ngày 09/10/2026, ông Nguyễn Trường T2 phải có trách nhiệm trả cho V1 và J toàn bộ số tiền nợ là 1.891.725.997 đồng (Một tỷ, tám trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 10/9/2026 V1 và J được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn theo các Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2401101525548 và khế ước nhận nợ cùng ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số: LN2401101525908 ngày 15/01/2024 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 10/01/2024 (379-P-5044496) trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi tất toán hết khoản vay.

Trường hợp ông Nguyễn Trường T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận thì V1 và J có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền dư nợ thực tế chưa thanh toán và các khoản lãi, phí phát sinh. V1 và J còn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2401101525548 ngày 15/01/2024 để thu hồi nợ. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 614, tờ bản đồ số 28, tại địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa); Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV794525, số vào sổ cấp GCN: CH01131 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/05/2020 cho ông Nguyễn Trường T4, bà Lê Thị H. Ngày 10/01/2024, tại Văn phòng Đ - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã xác nhận tặng cho ông Nguyễn Trường T2.

Tài sản này thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Trường T2. Hiện tại ông T2 đang quản lý những tài sản nêu trên. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu

được sau khi trả nợ cho V1 và J nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông T2, nếu thiếu ông T2 tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và J.

- ***Về chi phí tố tụng***: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

- ***Về án phí:*** Bị đơn ông Nguyễn Trường T2 phải chịu 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên tòa, nên ông T2 phải chịu 34.375.890 đồng (Ba mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng) tiền án phí.

Trả lại cho J và V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.816.000 đồng (Ba mươi tư triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng); Trong đó trả cho V1 2.277.000 đồng, trả cho J 32.539.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005340 ngày 25/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang